

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST

Ngày: 17/9/2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Bhiu Mlô và ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhận dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N - có mặt.

Địa chỉ: Thôn, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P, ông Nguyễn Minh Đ - vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018, các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Do quen biết làm ăn và cũng là chỗ thân quen với nhau nên bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh P vay số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

+ Lần 01: Vào ngày 22/3/2017, vợ chồng ông Đ, bà P vay của bà N số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), khi vay có lập giấy vay tiền có chữ ký của ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh P, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2017.

+ Lần 02: Vào ngày 28/6/2017, vợ chồng ông Đ, bà P tiếp tục vay của bà N số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), có lập giấy vay tiền có chữ ký của ông Đ, bà P, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 30/11/2017.

Tuy nhiên, cho đến nay ông Đ, bà P chưa trả cho bà N bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào. Do vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh P phải trả cho bà N tổng số tiền đã vay là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), về tiền lãi suất bà N không yêu cầu tính lãi 3%/tháng mà yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/02/2018 cho đến khi vợ chồng bà P, ông Đ hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Bà P cùng chồng (tức ông Nguyễn Minh Đ) có vay của bà Trần Thị N tổng số tiền 220.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Vào ngày 22/3/2017, bà P cùng ông Đ có vay của bà Trần Thị N số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 30/12/2017 vợ chồng bà P, ông Đ sẽ trả cho bà N đầy đủ số tiền đã vay. Khi vay có lập giấy vay tiền có chữ ký của ông Đ, bà P, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng. Tuy nhiên cho đến nay, vợ chồng bà vẫn chưa trả cho bà N được bất cứ khoản tiền nào.

+ Vào ngày 28/6/2017, vợ chồng ông Đ, bà P tiếp tục vay của bà Trần Thị N số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 30/11/2017 vợ chồng ông Đ, bà P sẽ trả đầy đủ cho bà N số tiền đã vay. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền có chữ ký của ông Đ, bà P, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Tuy nhiên cho đến nay, vợ chồng bà P, ông Đ vẫn chưa trả cho bà N được bất cứ khoản tiền nào.

Tổng số tiền vợ chồng ông Đ, bà P vay của bà N là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), cho đến nay vợ chồng ông Đ, bà P vẫn chưa trả được cho bà N. Hiện nay, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả cho bà N số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh tính từ ngày 27/02/2018 theo quy định của pháp luật cho đến khi vợ chồng ông Đ, bà P hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật thì bà P cũng đồng ý. Tuy nhiên hiện nay, chồng bà P là ông Nguyễn Minh Đ đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 11/2017 cho đến nay không có tin tức gì. Bà Nguyễn Thị Thanh P đề nghị Tòa án xem xét tạm hoãn giải quyết việc khởi kiện của bà Trần Thị N để bà tìm kiếm ông Nguyễn Minh Đ về để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 68, 70, 71, 72, 73 và Điều 234 BLTTDS. Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh P đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 68, 70, 72, 73 và Điều 234 BLTTDS.

Về giải quyết nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số tiền gốc là 220.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng: Vào ngày 22/3/2017, vợ chồng ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh P có vay của bà Trần Thị N số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 30/12/2017 vợ chồng ông Đ, bà P sẽ trả cho bà N đầy đủ số tiền đã vay. Đến ngày 28/6/2017, vợ chồng ông Đ, bà P tiếp tục vay của bà N số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 30/11/2017 vợ chồng ông Đ, bà P sẽ trả đầy đủ cho bà N số tiền đã vay. Tổng số tiền vợ chồng ông Đ, bà P vay của bà N là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), cho đến nay vợ chồng ông Đ, bà P vẫn chưa trả được cho bà N. Vì vậy bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà P phải trả cho bà N tổng số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh tính từ ngày 27/02/2018 cho đến khi vợ chồng ông Đ, bà P hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giấy vay tiền ngày 23/3/2017 và giấy vay tiền ngày 28/6/2017 là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Đến thời hạn trả nợ từ ngày 30/11/2017 đối với giấy vay tiền đề ngày 28/6/2017 và từ ngày 30/12/2017 đối với giấy vay tiền đề ngày 23/3/2017 cho đến nay ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thanh P chưa trả cho bà Trần Thị N được khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N là có căn cứ cần chấp nhận.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P thừa nhận vợ chồng bà (bà P, ông Đ) còn nợ bà Trần Thị N số tiền 220.000.000 đồng và bà P đồng ý chịu lãi suất của tổng số tiền vay trên tính từ ngày 27/02/2018 theo quy định của pháp luật. Do hiện nay ông Nguyễn Minh Đ đã bỏ đi khỏi nhà từ ngày 02/12/2017 cho đến nay không có tin tức gì và bà P không biết ông Đ đang làm gì, ở đâu nên bà P đề nghị tạm hoãn vụ kiện để bà tìm kiếm ông Đ về để giải quyết vụ án. Yêu cầu tạm hoãn giải quyết vụ án của bà P là không có căn cứ để chấp nhận vì bà P không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh cho việc bà đang tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là ông Nguyễn Minh Đ trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc Quyết định tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của Tòa án có thẩm quyền.

Về phía ông Nguyễn Minh Đ qua xác minh tại địa phương và đơn trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh P thì trong thời gian thực hiện hợp đồng vay tài sản, vào ngày 02/12/2017 ông Đ đã bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho gia đình cũng như chính quyền địa phương biết ông ở đâu, làm gì. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp của ông Nguyễn Minh Đ được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn.

Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/3/2017 và ngày 28/6/2017 là hợp đồng có thể hiện lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị N không yêu cầu tính lãi suất 3%/tháng mà yêu cầu Tòa án giải quyết tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Như vậy cần buộc ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh P phải trả cho bà Trần Thị N tổng số tiền là 244.436.000 đồng (hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 220.000.000 đồng và tiền lãi là 24.436.000 đồng (lãi suất 20%/năm x 06 tháng 20 ngày tính từ ngày 27/02/2018 đến ngày 17/9/2018) là phù hợp với Điều 463, 466 và Điều 468 BLDS năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST, hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền 5.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001445 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P, ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 12.222.000 đồng án phí DSST là phù hợp với khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh P phải trả cho bà Trần Thị N tổng số tiền là 244.436.000 đồng (hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 220.000.000 đồng và tiền lãi là 24.436.000 đồng (lãi suất 20%/năm x 06 tháng 20 ngày tính từ ngày 27/02/2018 đến ngày 17/9/2018).

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

[2]. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P, ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 12.220.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền 5.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001445 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi thành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã Pong Drang;
- Các đương sự;
- THADS huyện Krông Búk;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái